

Sự Hình Thành Đất Nam Kỳ Lục Tỉnh và Tỉnh Trà Vinh

Vĩnh Trường

Tại Miền Nam ngày nay, các dân tộc Việt, Miên và Hoa cùng sống chung hòa hợp như anh em một nhà, lẽ ra không nên khơi lại chuyện cũ. Nhưng đây là lịch sử, chúng tôi cố gắng y cứ vào sử liệu thuật lại vô tư và khách quan, để tránh mọi hiểu lầm, để chúng ta cùng tìm hiểu một giai đoạn lịch sử Nam tiến của dân tộc kéo dài khoảng 800 năm từ năm 939 đến năm 1759.

Một điều chúng ta cần hiểu rõ thêm là đất “Nam Kỳ Lục Tỉnh” thật ra cũng không phải là lãnh thổ ”hương hỏa” hay “phụ âm” của Vương quốc Khmer mà sự thật giống dân Phù Nam mới là cư dân tiên khởi của vùng này, và thủ phủ phần thịnh một thời của họ từ thế kỷ thứ I đến thế kỷ thứ VI là thương cảng Óc-Eo (trong vùng núi Sập & Ba Thê, quận Thoại Sơn cách thành phố Long Xuyên độ chừng 30 km).

Đến thế kỷ thứ VII, Vương Quốc Khmer hùng mạnh chiếm lĩnh và tiêu diệt vương quốc Phù-Nam rồi lâu dần đồng hóa dân tộc ấy sống theo phong tục tập quán thành như người Khmer vậy.

I Sự Hình Thành Nam Kỳ Lục Tỉnh :

Kể từ năm 1558, sau khi bị Chúa Trịnh lấn lướt ở miền Bắc, Nguyễn Hoàng tìm cách xin vào trấn thủ ở phương Nam và kín đáo xây dựng cho mình và con cháu một sự nghiệp riêng ở Xứ Đàng Trong từ dãy Hoành Sơn tới ranh giới của vương quốc Chiêm Thành. Mỗi khi các Chúa Trịnh ở phương Bắc lấn áp Chúa Nguyễn thì vương quốc

Chiêm Thành thường lãnh đủ các hậu quả đó. Chúa Nguyễn ngoài việc chống đỡ với Chúa Trịnh, còn khai khẩn đất đai và mở rộng bờ cõi về phương Nam. Lấy đất của Chiêm Thành và Chân Lạp để thành lập các Tỉnh Bình Định năm 1558, Phú Yên năm 1611, Khánh Hòa năm 1653, Biên Hòa và Gia Định năm 1698 và Hà Tiên năm 1708.

Chúa Minh Vương Nguyễn Phúc Chu trong 34 năm ở ngôi chúa (1691-1725), ông đã có những đóng góp quan trọng đối với lịch sử mở mang đất đai của dân tộc. Năm 1698, người dưới trướng của chúa là Lê Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh (có sách ghi là Nguyễn Hữu Kính) đã tiến về phương nam, thành lập trấn Gia Định, chính thức mở rộng biên cương với địa hình cơ bản như hiện nay.

Có nhiều tài liệu nói về giai đoạn này. Ngay từ đầu thế kỷ XVII tất cả các vùng có thể khai thác nông nghiệp đều đã thu hút di dân người Việt: châu thổ sông Đồng Nai, sông Mê Kông và cho tới sông Mê Nam của Thái Lan (đã có các làng người Việt ở Tonlé Sap và thậm chí ở Ayuthia, kinh đô Xiêm xưa).

Làn sóng di cư này càng mạnh mẽ từ khi vương quốc Chăm bị xóa sổ năm 1696. Bằng tàu bè người Việt đến định cư đầu tiên tại các vùng ven biển Bà Rịa, Đồng Nai trong đó có cả vùng đất Sài Gòn. Đồng thời các dân tộc bản địa như Stieng, Mạ, Koho và Mnong rút về hướng Bắc. Riêng các làng Khmer thì rút về Tây ninh chung quanh núi Bà Đen.

Nguyên nhân khiến người Việt di cư về phương Nam một cách tự phát này là các khó khăn kinh tế, các ràng buộc khắt khe của đời sống và tổ chức xã hội và cũng vì tình hình cuộc chiến tranh

kéo dài trên lãnh thổ Việt Nam lúc đó. Xét trên nhiều phương diện đây toàn là những người "có óc phiêu lưu", có bản lĩnh, do đó mới dám rời quê cha đất tổ.

Di dân người Việt luôn giữ được bản sắc của mình như phong tục tập quán nhưng cũng hội nhập dễ dàng với dân bản xứ. Định cư người Việt có hai cách: Thứ nhất là họ sống hòa nhập vào các trung tâm, phố xá của người Khmer qua các hoạt động thủ công nghiệp, thương mại và vận tải hàng hóa. Đặc biệt một số được triều đình Khmer trọng dụng trong công việc đóng tàu.

Dạng định cư thứ hai của người Việt là các thôn ấp đặc thù trên các vùng chính họ đã khai hoang để sinh sống bằng nghề nông. Ngay thời điểm này người Việt đã biến Sài Gòn thành một trung tâm thương mại và thủ công nghiệp. Hoạt động chợ búa và thương điểm Sài Gòn đã thực sự sánh vai ngang hàng với các kinh đô Phnom Penh và Ayuthia. Từ thế kỷ XVII, Sài Gòn đã trở thành nơi thu hút các tàu buôn, ghe thuyền Việt, Trung cũng như tàu Mã Lai, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha và Hòa Lan cạnh tranh dữ dội nhằm độc quyền buôn bán các tài nguyên trong vùng.

Từng bước một từ 1623 đến cuối thế kỷ 17, chủ quyền Việt Nam được khẳng định trên nền đất từng thuộc ảnh hưởng Khmer này. Đây có thể nói là một sự hợp thức hóa quá trình định cư tự phát của người Việt đã diễn ra từ rất lâu như vừa nêu ở trên. Triều đình Cao Miên vì sự đe dọa liên tục của Xiêm La nên luôn chủ động giao hảo tốt với nhà Nguyễn. Năm 1620 chẳng hạn, quốc vương Prey Chey Chetha II xin cầu thân và kết hôn cùng công chúa nhà Nguyễn là Công chúa Ngọc Vạn. Vua Chân Lạp tặng Chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên

(1613-1634) đất Đồng Nai để làm quà cưới, nhưng vì bận đối phó với chúa Trịnh nên chúa Nguyễn chưa thể đưa người vào khai phá ngoài những dân phiêu lưu và tội phạm bị đày xa xứ. Sau đó, năm 1623 Chúa Sãi thiết lập trên đất Sài Gòn (tức Prei Nokor) này một trạm thu thuế nhập thị và thương chính.

Sự kiện này chứng minh tầm quan trọng về vị trí thương mại và chiến lược của Sài Gòn trong các toan tính của Chúa Nguyễn. Và theo các sử gia Tây phương, nếu đây không là một cuộc chinh phục được nguy trang thì chỉ ít trạm thu thuế cũng là các đài quan sát luồng xuất nhập hàng hóa và do đó đo lường được sự trù phú về tài nguyên của toàn vùng. Lại có thêm nhiều trạm thuế khác rải rác vùng lục tỉnh tương lai mục đích không ngoài việc kiểm soát vùng đất mới này.

Theo các tài liệu Việt cũng như Khmer, đã có hai lần nhà Nguyễn động quân. Lần đầu vào năm 1658, Quốc Vương Chân Lạp là Nặc Ông Chân xua quân tàn sát người Việt lập nghiệp vùng Bà Rịa, Biên Hòa, Chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần (1648-1687) sai quan Khâm mạng Trần Biên Dinh (Phú Yên) là Nguyễn Phúc Yên đem 3000 quân đến Mô Xoài (Bà Rịa) đánh trả và bắt được Nặc Ông Chân đưa về Quảng Bình. Lần thứ hai năm 1672, khi vua Chey Groetha III (Nặc Ông Đài) làm loạn, giết cha vợ là vua Batom Reachea rồi dẫn quân Xiêm tiến chiếm thành phố Sài Côn và tàn sát những người Việt đang sinh sống khai phá ở Mô Xoài, Đồng Nai. Năm 1674, Chúa Nguyễn cất quân bắt giết Nặc Ông Đài và đuổi quân Xiêm về tận biên giới rồi lập Nặc Ông Thu lên làm vua, đóng tại Oudong, đồng thời buộc nhà vua chấp nhận một Phó vương đóng tại Sài Gòn là Nặc Ông Nộn. Cả hai

Chánh, Phó vương đều phải triều cống nhà Nguyễn. Bốn năm sau chủ quyền của họ ngày càng giảm nhất là từ khi đồn Tân Mỹ được lập nên, đánh dấu một bước tiến mới của việc thiết lập chủ quyền người Việt.

Trong cùng một toan tính, Chúa Nguyễn đã chủ động cho phép một nhóm khá đông di dân người Hoa đến lập nghiệp tại những vùng đất trên danh nghĩa vẫn còn dưới quyền cai trị của triều đình Cao Miên.

Năm 1680 có 2 Tướng Trần Thắng Tài, (có nơi ghi là Trần Thượng Xuyên) Dương Ngạn Địch và khoảng 3.000 quân sĩ người Hoa trên 50 chiến thuyền cập bến Đà Nẵng. Các binh lính và gia đình của họ xin được quy phục nhà Nguyễn, lấy cứ là trung thành với nhà Minh (tóc dài) nay họ không thể sống dưới nhà Thanh Mãn Châu (cạo đầu và để đuôi sam) mới lên... Trước vấn đề khó xử này chúa Nguyễn Hiền Vương đã nghĩ ra cách là nên sử dụng nhóm lâu la đó vào công cuộc Nam tiến bằng cách cho người hướng dẫn họ lập nghiệp tại một số vùng đồng bằng phương Nam là đất Biên Hòa và Mỹ Tho. Như vậy nhà Nguyễn vừa khéo léo đuổi được đám tàn quân khó kiểm soát đồng thời sử dụng họ chiếm giữ giữ gìn cả một vùng lãnh thổ không thuộc chủ quyền của mình.

Một cánh người Hoa theo Trần Thắng Tài đến định cư ở Đồng Nai trên địa điểm gần Biên hòa ngày nay. Một cánh khác theo Dương Ngạn Địch về Tiền Giang vào sông Soai Rạp qua 2 cửa Tiểu và Đại rồi đồn trú tại Mỹ Tho và họ nhanh chóng làm chủ hoạt động giao thông vận tải suốt vùng đồng bằng Cửu Long (kể cả "hoạt động" hải tặc !). Mỗi ngày tàu bè ngoại quốc ra vào càng

nhiều; di dân người Việt đổ về ngày càng đông. Nếu người Việt tập trung trong các ngành nông và thủ công nghiệp thì các ngành vận tải đường thủy và kinh doanh thóc gạo nằm toàn bộ trong tay người Hoa.

Vai trò của người Hoa trong sự củng cố ảnh hưởng của triều Nguyễn trên vùng đất mới là điều không thể chối cãi song cũng có lúc họ tỏ ra khó trị. Đặc biệt năm 1688, có sự bất hòa giữa hai phe người Hoa, Huỳnh Tấn là thủ hạ của Trần Thắng Tài kéo quân xuống Mỹ Tho bắt giết Dương Ngạn Địch, lập đồn lữ để chống nhau với Chân Lạp. Chúa Ngãi Nguyễn Phúc Thái (1687-1691) đã nhanh chân dụng mưu chận giết Huỳnh Tấn dẹp tan nhóm giặc khách tạo phản, và làm chủ tình thế hai thành phố tân tạo Đồng Nai và Mỹ Tho, rồi thuyết phục nhóm người Hoa trung thành tham gia vào cuộc chiến, kéo quân thẳng tới Oudong bắt vua Chân Lạp phải theo lệ triều cống.

Về phương diện kinh tế và chính trị nhóm người Khmer không có chỗ đứng đáng kể. Các trục trặc trong việc truyền ngôi của vương quốc Khmer đã từ từ dẫn đến hậu quả là Sài Gòn và kế đến là đồng bằng Cửu Long vĩnh viễn về tay Việt Nam: năm 1697 nhà vua ở Oudong băng hà, Nặc Ông Yêm là phó vương đóng tại Giản Phố (tức là Sài Gòn) lên thay và chúa Nguyễn Phúc Chu chụp lấy cơ hội, năm 1698, bổ nhậm Chương Cơ Nguyễn Hữu Cảnh vào chức phó vương bổ trống này. Ngay sau đó Phủ Gia Định được thiết lập và chia ra thành nhiều đơn vị hành chính đứng đầu là các quan văn và võ.

Nguyễn Hữu Cảnh chia đất Giản Phố ra làm dinh, huyện; lấy xứ Đồng Nai làm huyện Phước Long và xứ Sài Gòn làm

huyện Tân Bình, đặt ra hai dinh Trấn Biên (Biên Hoà) và Phiên Trấn (Gia Định, “Trấn” là khu vực quân sự, chưa ổn định việc cai trị) cho quan vào cai trị. Từ đó, xứ Sài Gòn trở thành huyện Tân Bình và huyện sở đặt ở làng Tân Khai, là trụ sở của dinh Phiên Trấn. Những xóm làng đầu tiên của Sài Gòn là xóm Hòa Mỹ (tức xóm Thủy Trại, gần đường Cường Để) xóm Tân Khai (đường mé sông khoảng cầu Mống), xóm Long Điền, xóm Than, xóm Bàu Sen (cây Mai), xóm Phú Giáo, xóm Lò Bún, xóm cây Cùi, xóm Rẫy Cải, xóm Ụ Ghe. Lại lấy xứ Lộc Dã (Đồng Nai) đặt làm huyện Phước Long, lập dinh Trấn Biên, rồi đưa dân từ Quảng Bình, Thuận Hóa trở vào cùng với người Minh khai lập đồn điền, đặt thôn ấp. Thanh Hà là xã đầu tiên của người Hoa, vùng Đồng Nai và Minh Hương là xã của người Hoa đầu tiên tại



Tân Bình .

Vào năm 1679, Mạc Cửu lãnh đạo một nhóm người Hoa khác không thần phục nhà Mãn Thanh, chạy sang Chân Lạp, được vua Cao Miên là Nặc Ông Chân phong chức Ốc Nha (âm tiếng Oknha, chức vụ tương đương tỉnh trưởng) cho cai quản vùng đất Mang Khảm tức huyện lỵ Hà Tiên; nhưng Mạc

Cửu thường bị quân Xiêm quấy phá, năm 1687 quân Xiêm đánh vào Hà Tiên, cướp phá và bắt Mạc Cửu đem về giam lỏng tại Muang Garabury nhưng Chân Lạp không giúp gì được. Năm 1700 Mạc Cửu đã trốn về được và từ đó Ông quyết định xin thần phục chúa Nguyễn để nhờ che chở (1708). Từ đó, đất Hà Tiên thuộc về nước ta và được kể là một trong sáu tỉnh của miền Nam vào đời Minh Mạng. Mạc Cửu vẫn được tự trị cai quản vùng đất này, rồi mở rộng đất đai và thành lập ra bảy thôn ấp ven biển từ Vùng Thơm (Kompong Thom), Trùng Kè (Long Kỳ, Réam), Cần Vọt (Kampot, Cần Một), Hà Tiên, Rạch Giá chí tới mũi Cà Mau, Phú Quốc, năm 1735 Ông bị bệnh

rồi mất. Sau đó, con ông là Mạc Thiên Tích tiếp nối chí ông, nói rộng thêm đất canh tác tới vùng sông Cái Lớn, sông Gành Hào (Trấn Di) và sông Ông Đốc...(Trấn Giang, Cần Thơ)

Năm 1737 thời Chúa Ninh Vương Nguyễn Phúc Thụ (1725-1738) toàn cõi phía Nam của sông Hậu từ mũi Cà Mau mở rộng đến Châu Đốc đều thuộc về chúa Nguyễn.

Tuy vậy, còn một giải đất giữa hai Sông Tiền và sông Hậu gọi là Tầm Phong Long, còn nhiều người Khmer sinh sống vẫn còn thuộc chủ quyền của Chân Lạp.

Năm năm Tý (1732) chúa Nguyễn Phúc Chu sai cắt một phần đất Gia Định để thành lập Châu Định Viễn, dựng Dinh Long Hồ tại Cái Bè, gọi là Cái Bè Dinh. Bên kia sông Tiền Giang là nơi tập trung nhiều Sóc của người Miên vùng Trà Vang. Có thể đã có nhiều lưu dân Việt Nam đã đến đó làm ăn, khẩn hoang rải rác ở nhiều nơi.Năm

1753, nhân việc vua Chân Lạp là Nặc Ông Nguyên (Ang Snguôn) đàn áp người Côn Man (Người Chăm di cư từ những năm 1693) ở miền Nam, chúa Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát (1738-1765) liền sai Nguyễn Cư Trinh điều khiển toàn quân 5 Dinh trong Nam gồm Trấn Biên, Phiên Trấn, Long Hồ, Bình Khương và Bình Thuận, Trương Phúc Du làm phó Tướng phụ giúp tổng tấn công Chân Lạp. Năm 1754, đại quân của chúa Nguyễn tấn công dữ dội vào đất Lôi Lạp, Tầm Bôn, Ba Nam, Nam Vang. Quân của Nặc Ông Nguyên tan rã và chạy trốn. Năm 1755, Nặc Ông Nguyên chạy về Hà Tiên cầu Mạc Thiên Tứ che chở và tâu với Chúa Nguyễn xin dâng 2 phủ Tầm Bôn (Tân An) và Lôi Lạp (Gò Công) để chuộc tội. Chúa Nguyễn không đồng ý, sau nhờ Nguyễn Cư Trinh phân trần, chúa Nguyễn mới chấp nhận, sát nhập hai phủ này vào Châu Định Viễn, Long Hồ Dinh và cho Nặc Ông Nguyên về nước.

Năm 1757, Nặc Ông Nguyên mất, Chú là Nặc Nhuận (Neac Ang Nhuan) lên thay, có ý kiêu ngạo triều đình ta nên dâng đất Trà Vang và Ba Thắc (Sóc Trăng) để cầu phong. Chúa cho lập Phủ Trà Vinh và Phủ Môn Thít ở Trà Vang. Ly sở của Phủ Trà Vinh được đặt tại thôn Vĩnh Trường (nay là Vĩnh Bảo, Vĩnh Trường, Xuân Thạnh xã Hòa Thuận, đình Vĩnh Trường vẫn còn sắc chỉ của chúa) Chẳng bao lâu, Nặc Nhuận bị con rể là Nặc Hình giết chết cướp ngôi. Con Nặc Nguyên là Nặc Tôn lên thay và chạy qua Hà Tiên nhờ Mạc Thiên Tứ dâng sớ tâu trình xin viện binh cứu giúp. Chúa Võ Vương y tâu sai Trương Phúc Du thống lĩnh quân đội ở Long Hồ và Ngưu Chử (Bến Nghé) đánh dẹp Nặc Hình và đưa Nặc Tôn trở lại ngôi. Nặc Hình thua chạy và bị thuộc

hạ là Ốc Nha Ưông hạ sát ở Tầm Phong Xoài, vợ con bỏ trốn sang Xiêm.

Đến năm 1759, Quốc Vương Chân Lạp là Nặc Tôn nhờ Chúa Nguyễn đem quân sang trợ giúp để giữ yên bờ cõi, và cũng để nhờ bảo-hộ khỏi bị Xiêm La dòm ngó, Nặc Tôn cắt phần đất Tầm Phong Long còn lại (gồm 3 Tỉnh : Châu-Độc, Sa-Đéc và Vĩnh Long) nhượng cho Chúa Nguyễn và cũng được sát nhập vào Long Hồ Dinh. Đến năm này, cuộc Nam tiến của Dân Việt coi như hoàn tất về mặt chính trị. Toàn cảnh đồng phù nhiều mệnh mông bát ngát, một vựa lúa to lớn của Việt Nam đều thuộc quyền cai quản của Chúa Nguyễn.

II Đất Nam Kỳ Lục Tỉnh Dưới thời Chúa Nguyễn và Tây Sơn :

Sau khi thi hành xong nhiệm vụ bình định, Nguyễn Cư Trinh lại nghĩ đến kế hoạch phòng thủ lãnh thổ miền Nam. Ông đã xin với chúa dời Dinh Long Hồ về đất Tầm Bao (tức là tỉnh lỵ Vĩnh Long ngày Nay) rồi đặt nhiều căn cứ quân sự gọi là đạo ở khắp miền Tây như Tây Ninh Đạo, Tân Châu Đạo (cù lao Giêng), Châu Đốc Đạo, Đông Khẩu Đạo (Sa-Đéc) Kiên Giang Đạo (Rạch Giá) và Long Xuyên Đạo (Cà Mau) để ngăn ngừa quân Xiêm xâm nhập.

Năm 1765 ở Đàng Trong, chúa Võ-Vương Nguyễn Phúc Khoát mất thì sinh rối loạn do quyền thần Trương Phúc Loan, hủy bỏ di chiếu của Chúa, phế lập bất minh. làm nhiều điều tàn ác, dân chúng oán giận.

Năm 1771, ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ, Nguyễn Huệ khởi nghĩa ở làng Tây Sơn (Bình Định), đánh chiếm Quy Nhơn rồi lấy luôn từ Quảng Ngãi vào Bình Thuận.

Chúa Trịnh thừa cơ miền Nam rối loạn bèn sai quân vào đánh lấy Phú Xuân (1775). Chúa Nguyễn bị thua, chạy vào Quảng Nam, nhưng lại bị Nguyễn Nhạc đánh bại, nên phải trốn vào Gia Định.

Lúc đó, Nguyễn Nhạc thấy quân Trịnh đang mạnh bèn hàng thuận để khỏi lo mặt Bắc, rồi sai em là Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ tiến quân đánh chúa Nguyễn. Chiếm lấy đất Gia Định (1777). chúa Định Vương Nguyễn Phúc Thuần (1765-1777) bị giết chết tại Long Xuyên, các tùy tướng tôn Nguyễn Ánh lên làm Đại Nguyên Soái, quyền coi việc nước (tháng Giêng năm Canh Tý 1778).

Sau khi thắng miền Nam, Nguyễn Nhạc lên ngôi vua, xưng hiệu là Thái Đức, lập kinh đô ở thành Đồ Bàn năm 1778. Tháng 11 năm ấy, Nguyễn Ánh sai Đồ Thành Nhơn cùng đốc toàn lực đánh lấy lại Sài Gòn, Nguyễn Lữ thua bỏ chạy về Qui Nhơn.

Tháng 11, năm Kỷ Hợi (1779), Nguyễn Ánh duyệt lại bản đồ các Dinh thuộc Gia Định Thành, phân định lại ranh giới các Dinh, nâng đất Mỹ Tho lên làm Dinh Trường Đồn đồng thời dời Dinh Long Hồ về bãi Hoằng Trấn hay còn gọi là Tân Dinh châu, tục gọi là bãi Bà Lúa, dài 300 dặm, ngang 15 dặm, cách trấn ly Long Hồ trên 30 dặm về phía Nam, vốn là một con giồng đất cao rộng, có sông Tiền sông Hậu bao quanh, vị trí thuộc huyện Thuận Nghĩa, phủ Lạc Hoá tức là vùng phía dưới Trà-Vinh một đời. nhằm mục đích chế ngự toàn vùng rộng lớn Ba Thắc, Cần Thơ, Trà Vinh và vùng bờ biển.

Năm 1780, Vì có lệnh tuyển mộ binh lính, Viên cai quản người Miên ở phủ Trà-Vinh là Ốc Nha Suốt chống lại

mệnh lệnh.

Dựa vào địa thế hiểm trở, rừng rú rậm rạp, giỏi nghề bắn nỏ, lại dùng trận phục ngư, rình khi quân triều đình sơ hở, cỡi trâu móng lớn chân dài, kết thành từng đội thả ra đánh giầy, xéo, húc, chọi, quân triều đình không sao thắng được suốt cả mấy tháng trời. Tháng Tư, Nguyễn Ánh sai Tướng Đồ Thành Nhơn đánh dẹp. Đồ thành Nhơn nhờ hiểu rõ địa thế, áp dụng chiến thuật khôn khéo xử dụng những quân tinh nhuệ, mặc da súng lớn, phát quang rừng rú, bức vây sào huyệt và đã bắt được viên thủ lãnh là Ốc Nha Suốt rồi chiêu dụ mấy tên dư đảng, ban phát lương gạo cho về nhà làm ăn; phủ Trà Vinh mới được an ổn.

Cùng năm này, bên Vương Quốc Chân Lạp có loạn, cầu cứu với Chúa Nguyễn xin viện binh khẩn cấp, mãi đến 6 tháng sau mới có lệnh cho Đông Sơn Thượng Tướng Quân, Phương Quận Công Đồ Thành Nhân điều binh từ Dinh Hoằng Trấn sang đánh bắt Nặc Ông Vinh giết đi rồi đưa con Nặc Ông Tôn là Nặc Ông Ấn về nước. Sở dĩ chậm trễ là vì lý do đường xá xa xôi Dinh Hoằng Trấn ở lệch một phương nên khi Cao Miên có việc, khó mà ứng phó kịp thời nên năm Canh Tý, Chúa cho dời Dinh về chốn cũ tức là Long Hồ và đổi thành Dinh Vĩnh Trấn...

Năm Nhâm Dần 1782, tháng 3, hai anh em Tây Sơn là Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ từ Qui Nhơn đem hơn 100 chiến thuyền vào cửa Cần Giờ, phá tan quân của Nguyễn Ánh tại sông Thất Kỳ do Tổng Phúc Thiêm chỉ huy, Chánh Cơ Mạn Hoè (Emanuel, một thủy thủ người Pháp ở Ma-Cao được giám mục Pigneau de Behaine đưa sang giúp cho Nguyễn Ánh) phải bị chết cháy trên tàu. Nguyễn



Ánh nhờ Lê Văn Duyệt cứu giúp chạy trốn chết về Trà Vinh qua ngã kinh Láng Thế rồi chạy ra đảo Phú Quốc và sang Xiêm cầu viện.

Lê Văn Duyệt sinh năm Giáp Thân (1764) tại Cù Lao Hồ, cạnh Vàm Trà Lọt nay thuộc làng Hòa Khánh, tỉnh Định Tường. Nội tổ là Lê Văn Hiếu di dân từ Quảng Ngãi. Thân phụ là Lê Văn Toại, sau này rời Vàm Trà Lọt đến cư trú bên Rạch Ông Hồ (vùng Rạch Gầm) nay thuộc làng Long Hưng Tây tỉnh Định Tường.

Khi sinh ra đã mang tật kín (ái nam) nên tính khí cũng khác người thường. Rất khỏe mạnh, rất thông minh, giỏi võ thuật, tuy không có đi học nhiều, nhưng biết rất nhiều về truyện Tàu cùng các anh hùng hảo hán cũng như tư cách, tài năng và cách xử sự của họ ở trong đời. Ông có chí lớn, mới 15 tuổi đã có câu nói “sinh ở đời loạn, không hay dựng cờ trông đại tướng, chép công danh vào sử sách không phải là trượng phu.”

Năm 17 tuổi Ngài đã có dịp cứu Nguyễn Ánh cùng vài người tùy tùng khỏi tử thần. Đêm hôm đó Nguyễn Ánh bị quân Tây-Son săn đuổi gấp. Nhờ mưa to gió lớn thuyền của quân Nguyễn Lữ không đuổi theo kịp. Nhưng khi đến Vàm Trà Lọt thì thuyền chở Nguyễn Ánh và đoàn tùy tùng bị sóng lớn làm cho suýt bị chìm. Lê Văn Duyệt xuất hiện kịp lúc, đỡ thuyền Nguyễn Ánh đưa vào bờ, giúp Nguyễn Ánh thoát nạn. Biết Nguyễn Ánh là dòng dõi chúa Nguyễn, cụ Lê Văn Toại hết sức cung kính, giúp cho Nguyễn Ánh và đoàn tùy tùng tạm trú ở đây mấy hôm. Sau đó Nguyễn Ánh lại phải tiếp tục tìm đường lẩn trốn đoàn quân Tây Sơn đang lục soát các nơi lũng bắt. Lúc chia tay Nguyễn Ánh cảm ơn ông bà Lê Văn Toại với lời hứa là sau

này sẽ trở lại đem Lê Văn Duyệt theo. Giữ đúng lời hứa, năm 1786 sau khi lên ngôi Chúa và chuẩn bị tiến đánh thành Gia Định, Nguyễn Ánh trở lại Vàm Trà Lọt cảm ơn vợ chồng ông Lê Văn Toại đã giúp ông trong cơn hoạn nạn, và tuyên dụng Lê Văn Duyệt làm thái giám. Từ đó Ngài xả thân phò Chúa Nguyễn Ánh,

Năm Giáp Thìn 1784, Châu Văn Tiếp phò Nguyễn Ánh, dẫn 2 vạn quân Xiêm và 300 Thập thuyền (chiến thuyền có phòng chỉ huy hình như cái tháp, có trí súng đại bác, thủy thủ ngoảnh mặt về phía lái mà chèo) do hai tướng Chiêu Tăng và Chiêu Sương chỉ huy, về chiếm Sóc Trăng rồi Trà Ôn, Mân Thít. Quân Xiêm đi đến đâu, cướp của giết người, hãm hiếp phụ nữ đến đó, tàn ác không ai có thể ngăn cản nổi và khi kịch chiến với quân Tây Sơn tại vàm sông Mân Thít, Châu Văn Tiếp bị Tướng Tây Sơn là Chương Tiễn Bảo đâm vào ngực một mũi gươm, ông thét to lên rồi ngã gục tại trận tiền. Ngày 13/10 năm Giáp Thìn. Đại quân của Xiêm bị Long Nương Tướng Quân Nguyễn Huệ phá tan trên sông Rạch Gầm Mỹ Tho vào ngày 8 tháng Chạp sau đó.

Tại hai bờ Sầm Giang (tên của sông Rạch Gầm trước kia) rậm rạp, Nguyễn Huệ đem hàng chục chiến thuyền giấu vào đây để mai phục. Những chiến thuyền lớn được trang bị 50, 60 khẩu thần công, hàng trăm súng hỏa hổ (súng phun lửa), khoảng 700 chiến binh trên một chiến thuyền. Phía trên bờ, cả bờ Tiền Giang, bờ Bến Tre, bờ cù lao Thới Sơn có hàng ngàn đại bác, xưa gọi là “thần công”. Hơn ba vạn quân được Nguyễn Huệ huy động vào một trận đánh chiến lược, đánh để tiêu diệt, đánh để kết thúc trận chiến. Khi nhử được 300

chiến thuyền Xiêm vào khúc sông rộng lớn, hàng ngàn khẩu thần công từ ba bờ nhà đạn. Tiếng gầm của hàng ngàn đại bác đã làm cho quân Xiêm kinh hồn, bạt vía, không biết làm gì để chống đỡ. Đội hình chiến thuyền của quân Xiêm bị rối loạn. Tiếp đó, mấy trăm chiến thuyền của Nguyễn Huệ xông ra, chặn đầu, khóa đuôi, phóng hỏa hỏ vào thuyền chiến Xiêm. Hỏa hỏ là thứ vũ khí lợi hại nhất của thời ấy, gặp nước nó càng cháy, không cách gì dập tắt. Trận đánh chỉ diễn ra vài tiếng đồng hồ rạng ngày mùng 8 tháng Chạp năm Giáp Thìn (18/1/1785) không một thuyền chiến nào của quân Xiêm không bị bốc cháy. Hai vạn quân thủy bộ chỉ còn vài ngàn bơi được lên bờ, chạy thực mạng về đất Cao Miên rồi chạy thẳng luôn về Xiêm vì sợ quân Việt truy sát.

Năm 1788, Nguyễn Ánh lại chiếm được Gia Định, Long Hồ Dinh được đổi tên lại là Vĩnh Trấn Dinh, rồi nhân cơ hội anh em Tây Sơn bất hoà, cùng nhờ được một số người Pháp như Cook, Moyse, Olivier, Dayot, Vannier, Laurent Barizy, De Forsans..giúp sức và luyện tập binh sĩ theo lối Tây phương nên tính việc đánh Bắc Hà.

Từ năm 1790 cứ theo mùa gió Nồm (thổi từ nam lên bắc) Nguyễn Ánh đem binh thuyền ra đánh phá Tây Sơn, khi đổi chiều gió thì rút đi Cho nên dân chúng gọi các trận ấy là "giặc mùa".

III Trà Vinh dưới Triều Nhà Nguyễn :

Nguyễn Ánh đánh Qui Nhơn 3 lần mới thắng (1799) rồi đổi tên là Bình Định.Năm 1801 Nguyễn Ánh mang toàn lực hạ thành Phú Xuân (Huế). Vua Cảnh Thịnh phải chạy ra Bắc. Chiếm được Phú Xuân, Nguyễn Ánh lên ngôi vua, xưng là Gia Long năm 1802. Lập kinh

đô ở Phú Xuân và đổi tên nước là Việt Nam.

Gia Long ra đánh Bắc Hà trong vòng một tháng thì toàn thắng, vua Quang Toản cùng các tướng đều bị bắt rồi bị giết. Thời Tây Sơn chấm dứt năm 1802, Nguyễn Ánh chiếm được Thăng Long và thống nhất đất nước ngày 20 tháng 7 năm 1802.

Dưới thời vua Gia Long, hải tặc Mã Lai và Tàu Ô thường khuấy phá những thuyền buôn người Việt lưu thông giữa bờ biển Trung phần với Sài Gòn. Triều đình cử ba đạo quân đến đóng ở mũi Vũng Tàu và đặt tên cho dinh trại đầu tiên là Phước Thắng.

Cho đến năm 1822, giặc cướp biển không còn dám léo hánh vùng này nữa. Để thưởng công, triều đình cho ba vị Đội trưởng giải ngũ và cai quản ba vùng đất để khai phá, lập nghiệp. Ông Phạm Văn Đình coi làng Thắng Nhứt, ông Lê Văn Lộc giữ làng Thắng Nhi và ông Ngô Văn Huyền điều hành làng Thắng Tam. Tuy nhiên, dân chúng trong ba làng cũng lập thành lũy để ngăn ngừa giặc cướp trở lại. Ba làng này thuộc trấn Biên Hòa.

Năm 1820 Gia Long băng hà, Minh Mạng lên nối ngôi việc cai trị ở trấn Vĩnh Thanh vẫn giữ nguyên trạng. Đến năm 1832 mới đổi tên lại là Vĩnh Long Trấn, Vĩnh Long có tên từ đây.và chia đất ra thành 4 phủ: Định Viễn, Hoàng An, Hoàng Trị và Lạc Hóa. Phủ Lạc Hóa gồm 2 huyện: Tuân Nghĩa có 5 Tổng 76 xã; huyện Trà-Vinh có 6 Tổng và 70 xã.. Sau khi Lê Văn Duyệt mất (2.00 giờ ngày 1 tháng 8 1932) vua Minh Mạng bãi bỏ chức Tổng Trấn Gia Định Thành và chia Nam Kỳ thành 6 Tỉnh trực thuộc Triều Đình Huế: Gia

Định, Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên. (Trà-Vinh vẫn là phủ Lạc Hóa thuộc tỉnh Vĩnh Long)

Đầu Tỉnh là Tuần Phủ, phụ tá có các quan Án Sát, Bô Chánh, Lãnh Binh để lo các việc hành chánh và quân sự. Trong toàn tỉnh Vĩnh Long có 3 quan- ái để thu thuế, một ái tên là Ái Thiện Mỹ ở bên tả ngạn sông Trà Vinh.

Năm Minh Mạng thứ tư (1823) nhận thấy thôn Vĩnh Trường quá gần sông lớn và biển tuy có lợi thế về giao thông ,buôn bán, thu thuế nhưng không thuận lợi về mặt phòng thủ của một thủ phủ, Triều đình cho dời lý sở Trà Vinh về Sóc Thanh Sái, (Srok, Sóc là thị trấn lớn có nhiều người Miên quần tụ) cũng là một con giống cao ráo rộng lớn, để đi lại cách Vàm Trà-Vinh khoảng 2 cây số. Ngày nay Sóc Thanh Sái được đổi tên lại là Thanh Lệ.Ngôi đình Thanh Lệ là một kiến trúc cổ kính vẫn còn tồn tại.

IV Giặc Chà Gạt, Quan Bô Chánh Trần Trung Tiên tử trận. :

Năm 1841, đầu tháng Ba âm lịch, dưới thời Thiệu Trị nguyên niên, Một người tên là Lâm Sâm, (hay Sa Sầm) nổi loạn ở Lạc Hóa (Tràvinh), dùng tà thuyết bùa chú mà mê hoặc dân chúng, tụ tập bè đảng có đến bảy tám ngàn người, đánh chiếm huyện lý Nguyệt Lăng (Nguyệt Lăng sau này cộng thêm ấp Đôn Hoá thành ra xã Nguyệt Hoá) và một giải đất chạy dài khoảng 30 cây số từ Trà Vinh đến vùng Cầu Kè, Tiểu Cần (Cần Chong), Bắc Trang, Trà Đieu. Trận đánh dữ-dội nhất xảy ra tại Trà Tử nay gọi là làng Hiếu Tử, quan Bô Chánh tỉnh Vĩnh Long là Trần Trung Tiên và Tri Huyện Hoàng Hữu Quang đều tử trận.

Cuộc nổi dậy của Lâm Sâm kéo dài từ đầu tháng Ba đến cuối tháng Mười Một triều đình mới dẹp yên được. Người cầm đầu cuộc nổi loạn được dân địa phương gọi là Xà-no Som, tức là Viên Tướng tên Som. Thủ đoạn sách động của y là dùng các thầy bùa ngải tung

Quan Bô Chánh Trần Trung Tiên còn có tên là Trần Công Tuyên, sanh năm 1801, gốc người Quảng Trị thi đỗ cử nhân, (Ông có một người con tên là Trần Xuân Hoà, năm 1862 được triều đình bổ nhiệm chức Thị Độc Học Sĩ coi đạo binh phòng ngự Định Tường, khi thành mất về tay giặc Pháp,ông cắn lưỡi tự tử chết) Ông Trần Trung Tiên tử trận vào đêm 17 rạng ngày 18 tháng 3 âm lịch,năm Tân Sửu (1841) tại Ô-Đùng. Ngài rất linh hiển, người dân bản xứ rất kính sợ và lập đền thờ tại nơi Ngài tử trận, và mỗi năm đến ngày giỗ đều có tổ chức tế tự cầu Ngài phù hộ, đền thờ hiện vẫn còn tại Làng Hiếu Tử.(hình trang bìa).

Ngày 12/9/1925, tức là ngày 25/7 năm Ất Sửu, Vua Khải Định năm thứ 9 sắc phong Ngài làm Thành Hoàng tại Hiếu Tử như sau :

“Sắc Trà Vinh tỉnh, Ngài Long Thượng tổng, Hiếu Tử xã phụng sự Bô Chánh Trần Công Tuyên chi Thần mạng giả linh ứng từ kim chánh trực vãng từ tuần đại khánh tiết kinh ban bảo chiếu đàm ân Lễ long đẳng trật trước phong di vực bảo trung hưng linh phù.

Tôn thần chuẩn kỳ phụng sự thần kỳ tương hộ bảo ngã lê-dân khâm thờ”

Khải Định cửu niên, thất ngoạt nhị thập ngũ nhật.



Sắc phong của Vua Khải Định 12/9/1925

những tin đồn thất thiệt: ‘Ông ta là người từ cõi trên, ai không theo thì sẽ bị Trời Phật hại, ai theo thì sẽ được cứu thoát’. Vũ khí thì gồm những dao mác, chà gạt và phân kéo ngay nên còn gọi là “Giặc Chà Gạt”

Ngoài Lâm Sâm còn có Cai Tổng Cộng và một người nữa tự xưng là Phò Mã Đội. Vua Thiệu Trị sắc chỉ Tổng Đốc Long Tường Bùi Công Huyền tới đánh, tuy phá tan được 3 sở thành giặc nhưng đánh nơi này thì chỗ khác lại nổi lên. Đến tháng Tư, lại sai Tham Tán Trần Tây Thành là Nguyễn Tấn Lâm cùng với Tướng Nguyễn Tri Phương hội quân lại cùng dẹp loạn tại Rạch Cần Chong (Tiểu Cần). Sau đó Đoàn Văn Sách và Nguyễn Công Trứ cũng được lệnh mang thêm 3,000 quân từ Trấn Tây Thành vừa rút về đến tăng viện cho chiến trận.

Sau khi phá tan loạn quân tại Cần Chong, thừa thắng quân triều đình kéo lên cần quét tận Bắc Trang, Xà-no Som bỏ chạy, các loạn tướng là Trần Hồng, Kiên Hồng, Thạch Đột tới trước cửa quân xin hàng khoảng 88 người đều bị bắt giữ bỏ cũi giải về kinh, kỳ dư Nguyễn Tấn Lâm và Nguyễn Tri Phương sai người ra hiệu dụ cư dân ra đầu thú thì cấp phát gạo cho về nhà làm ăn. Rồi đem quân tiến đánh Trà Điều.

Đến tháng 11, các Tướng Nguyễn Tấn Lâm, Nguyễn Tri Phương và Nguyễn Công Trứ mới phá tan hết loạn quân tại xứ Sâm Đô, bắt được Lâm Sâm giết đi, tài sản của y thì tịch thu và phát chẩn cho dân nghèo. Huyện Trà Vinh trở lại an ổn và được Vua Thiệu Trị

cho dời lý sở về làng Minh Đức dọc theo bờ sông Trà Vinh và cách Thanh Lộ độ chừng 1000 thước. Làng Minh Đức sau kết hợp với xã Long Bình trở thành xã Long Đức, ngày nay Đình Long Đức vẫn còn.

V Trà Vinh dưới thời Pháp thuộc.

Ngày 20/6/1867 Quân Pháp từ Mỹ Tho đem 1000 lính Tây và 4000 lính



tập, trên 8 pháo thuyền tiến đánh thành Vĩnh Long, cụ Phan Thanh Giản nghi không thể đánh lại giặc Pháp nên đã dâng thành đầu hàng và uống thuốc độc tự sát để tránh tổn hại xương máu dân lành.

Ngày 25/6/1867 De La Grandiere chính thức tuyên bố toàn cõi Nam Kỳ là thuộc địa của Pháp và chúng phân chia 6 Tỉnh Nam Kỳ thành 21 tỉnh (Gia Định, Châu Đốc, Hà-Tiên, Rạch Giá, Trà-Vinh, Sa-Đéc, Bền Tre, Long Xuyên, Tân An, Sóc Trăng, Thủ Dầu Một, Tây Ninh, Biên Hoà, Chợ lớn, Mỹ Tho, Bà Rịa, Vĩnh Long, Gò-Công, Cần Thơ, Bạc Liêu và Cap saint Jacque (Vũng Tàu) và mỗi tỉnh có một sở tham biện (Inspection) để cai trị. Trà Vinh là tỉnh

số 5 trong 21 tỉnh, Pháp đặt 2 sở tham biện, một tại Bắc Trang và một tại Trà Vinh. Lý sở tham biện Bắc Trang đặt tại Bắc Trang nay là An Quảng Hữu. Lý sở Trà Vinh đặt tại làng Long Đức. Ngày 1/1/1868 thực dân Pháp cho sát nhập 2 sở tham biện Bắc Trang và Trà Vinh lại làm Sở tham Biện Trà Vinh và lý sở đặt tại làng Long Đức.

Năm 1876 Pháp đổi Sở Tham Biện thành Tiểu Khu Hành Chánh Trà Vinh. Ngày 20/12/1899 bãi bỏ chức vụ tham biện mà đổi lại thành Chủ Tỉnh (Chef de Province) và đổi Tiểu khu hành chánh thành Tỉnh Trà Vinh (Province de Trà Vinh). Lý sở vẫn đặt tại làng Long Đức.

Dưới thời Pháp thuộc, Trà Vinh gồm 8 quận : Châu Thành, Cầu Ngang, Long Toàn, Trà Cú, Tiểu Cần, Cầu Kè, Trà Ôn, và Càng Long.

Ngày 8/10/1957 chính quyền Ngô Đình Diệm cho sát nhập quận Vũng Liêm vào Tỉnh Trà-Vinh.

Ngày 8/10/1957 chính quyền Ngô Đình Diệm cho sát nhập quận Vũng Liêm vào Tỉnh Trà-Vinh.

Để dễ dàng trong việc cai trị, người Pháp đã xây dựng những cơ sở dinh thự như tòa bố, tòa án, sở hiến binh, bệnh viện, trường học, chợ búa v.v., nạo vét mở rộng lòng sông Trà-Vinh để tàu bè dễ dàng di chuyển, xây đắp những tuyến đường giao thông từ thị xã Trà-Vinh đến các thành phố lân cận, biến lý sở Trà-Vinh thành một đô thị nhỏ như chúng ta đã trông thấy một phố cổ với những hàng cây Me, Sao, Dầu xanh mát, từ đường số 1 đến chùa Lường Xuyên và từ đường Lê Quang Liêm (Cây Dầu Lớn) đến bờ sông Long Bình.

Tạo cho Trà-Vinh có một sắc thái kiêu sa riêng biệt không nơi nào có.

Cũng trong thời Cộng Hòa, ngày 14/1/1967 bởi sắc lệnh số 06/SL/ĐUHC chính quyền tách rời hai quận Vũng Liêm và Trà Ôn ra khỏi tỉnh TV và chỉ còn lại bảy quận như bây giờ. Sau năm 1975, trải một thời gian dài Trà-Vinh bị coi là một huyện lẻ của Tỉnh Cửu Long, hầu hết những dinh thự kiêu xưa đã một thời tạo cho Trà Vinh một dáng vóc mỹ miều bị người ta tiêu hủy và xây cất lại, như muốn xóa bỏ đi những tàn tích cũ, nhiều cây cối hàng trăm năm bị tàn phá một cách thiếu suy nghĩ. Ngày nay Trà-Vinh đã được phục hồi như một đô thị công nghiệp đang phát triển và là một vị trí quan trọng trong các lãnh vực kinh tế, quân sự và văn hóa. nhưng vẻ đẹp cổ kính độc đáo của Trà-Vinh không còn nữa.

Tài liệu tham khảo :

- Gia Định Thành Thông Chí của Trịnh Hoài Đức NXB Giáo Dục năm 1999.
- Quốc Triều chánh biên (Nhóm nghiên cứu Sử Địa Việt Nam xuất bản tại Sài Gòn năm 1972)
- Bản Triều Bản Nghịch Liệt Truyện của Giả Sơn Kiều Oánh Mậu (Bộ QGGD xb tại Sài Gòn năm 1963).
- Vĩnh Long Xưa của Huỳnh Minh, NXB Thanh Niên năm 2002 .
- Lịch Sử Khẩn Hoang Miền Nam của Sơn Nam, NXB Trẻ năm 2004.
- Thi Xã Trà-Vinh Xưa và Nay của Trần Dũng trên trang nhà vannghecongcuulong.org
- Sài Gòn năm xưa của Vương Hồng Sển (1960) trên trang nhà thuvienvietnam.com/thuvien